

Bản án số: 36/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06 – 6 – 2018

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Tấn Tài.

*Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Châu Cương.

2. Bà Néang Srây Mum.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thành – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 23/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Hồng Đ, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 11, ấp N, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Đoàn Sĩ N, sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ 11, ấp N, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

Tất cả các đương sự đều có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 23 tháng 4 năm 2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Phạm Hồng Đ trình bày: Bà và ông Đoàn Sĩ N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông N thường hay đánh bà và bị Công an xã T xử phạt hành chính. Qua nhiều lần giàn xếp để hai người đoàn tụ chung sống nhưng không có kết quả. Xét thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông Đoàn Sĩ N.

Vợ chồng có một con chung, tên Đoàn Hoài Đ, sinh ngày 09/12/1992, hiện nay cháu đã trưởng thành.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Đoàn Sĩ N trình bày: Thống nhất vợ chồng chung sống từ năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn, cũng như mâu thuẫn như bà Đ trình bày.

Xét thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà Đ yêu cầu ly hôn thì tôi đồng ý.

Vợ chồng có một con chung, tên Đoàn Hoài Đ, sinh ngày 09/12/1992, hiện nay cháu đã trưởng thành.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa : Bà Phạm Hồng Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng:

Bà Đ có yêu cầu xin ly hôn với ông N hiện có địa chỉ cư trú và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 11, ấp N, xã T, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, theo qui định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2].Về nội dung:

[2.1].Quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Hồng Đ và ông Đoàn Sĩ N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, nhưng không đăng ký kết hôn.

Bà Đ cho rằng thời gian chung sống không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông N thường hay đánh đập bà, mặc dù gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì : “ *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”, và theo khoản 2 Điều 53 qui định “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*”. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Phạm Hồng Đ đối với ông Đoàn Sĩ N không được chấp nhận mà Tòa án tuyên bố không công nhận bà Phạm Hồng Đ đối với ông Đoàn Sĩ N là vợ chồng.

[2.2].Về con chung: Bà Phạm Hồng Đ đối với ông Đoàn Sĩ N có một con chung tên Đoàn Hoài Đ, sinh ngày 09/12/1992, hiện cháu đã trưởng thành.

[2.3].Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[3].Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đ khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo mức án phí không giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên bố không công nhận bà Phạm Hồng Đ và ông Đoàn Sĩ N là vợ chồng.

Về án phí: Bà Phạm Hồng Đ chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: Tu/2016/0004175, ngày 09/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, như vậy bà Đ đã nộp xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án ;
- Lưu VT .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Tấn Tài**